TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2018/KDTM-ST
Ngày: 22-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Quý

Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2010/TLST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2010 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1459/2018/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1833/2018/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ M
Địa chỉ trụ sở: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1971 – Chủ DNTN Nhà hàng T
Địa chỉ trụ sở: Đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ Chủ doanh nghiệp: Đường H, Phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2010 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Vũ Hữu Thiên Â đều trình bày:

Nguyên đơn có cho bị đơn là bà Trần Thị P – Chủ DNTN Nhà hàng T vay 600.000.000 đồng; Lãi suất vay 150% lần tính theo lãi suất kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, nếu quá 04 tháng lãi

suất vay 200% lần nhưng không quá hai tháng trả chậm; Thời hạn cho vay: 04 tháng tính từ ngày nhận tiền; Bị đơn đảm bảo bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2009.

Nguyên đơn đã đưa 200.000.000 đồng cho bị đơn theo Phiếu chi ngày 28 tháng 02 năm 2009 và chuyển khoản cho bị đơn 400.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 02 tháng 3 năm 2009. Bị đơn đã bàn giao cho nguyên đơn bản chính Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) số công chứng 033914, quyển số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14 tháng 10 năm 2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 15 QSDĐ/CQ do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 04 tháng 02 năm 2004. Sau khi kiểm tra toàn bộ hồ sơ thì hiện nay nguyên đơn không giữ bản chính các giấy tờ này.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 600.000.000 đồng còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2009.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 02 tháng 3 năm 2009 đến nay.

Bà Trần Thị P – Chủ DNTN Nhà hàng T là bị đơn trình bày tại Bản tự khai ngày 30 tháng 12 năm 2010:

Vào tháng 01 năm 2009, bị đơn có đầu tư xây dựng công trình Nhà hàng Karaoke – Hát với nhau tại Số 669 đường Quang Trung, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tổng giá trị dự toán là 4.743.585.794 đồng. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng thì nguyên đơn có chuyển khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho bị đơn 600.000.000 đồng, nhưng hai bên lập giấy vay tiền thay vì hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng thi công. Nội dung Giấy vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2009 như đại diện nguyên đơn trình bày.

Sau đó nguyên đơn thỏa thuận để khỏi phải thanh toán lại khoản tiền 600.000.000 đồng thì hai bên tiến hành ký kết hợp đồng thi công với nhau giá trị như cũ nhưng cộng thêm 600.000.000 đồng mà nguyên đơn đã đưa. Do đó, hai bên ký Hợp đồng thi công số 05/HĐKT/MIA/09 ngày 06 tháng 4 năm 2009 giá trị hợp đồng là 5.343.636.156 đồng. Trong quá trình thi công công trình, giữa hai bên có một số quan điểm không thống nhất và phía nguyên đơn đã tự ý ngừng thi công công trình từ ngày 05 tháng 10 năm 2009 mà không thông báo. Ngày 28 tháng 10 năm 2009, bị đơn đã gửi công văn đề nghị chấm dứt hợp đồng thi công. Hai bên đã xác định lại khối lượng thi công và cùng thống nhất ký tên trên bảng so sánh khối lượng quyết toán. Tuy nhiên, nguyên đơn đã cộng số tiền 600.000.000 đồng mà nguyên đơn cam kết bảo lãnh hợp đồng chứ không phải là đơn giá thi công thực tế của công trình mà hai bên thống nhất. Do đó, việc nguyên đơn vừa áp dụng đơn giá đã cộng vào khoản bảo lãnh dự thầu, vừa buộc thanh toán số tiền vay là bất hợp lý vì buộc bị đơn thanh toán hai lần đối với một số tiền, không chỉ thế, nguyên đơn còn đưa ra số liệu quyết toán sai với thực tế thi công (chênh lệch 531.317.005 đồng) nên bị đơn không đồng ý thanh toán.

Đến nay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng 1.998.000.000 đồng vượt xa thực tế thi công tại công trường (nguyên đơn mới thi công được khối lượng 1.896.370.000 đồng). Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 200.000.000 đồng còn nợ, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 400.000.000 đồng còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà Trần Thị P – Chủ DNTN Nhà hàng T có trụ sở chính tại Đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 600.000.000 đồng còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2009:

[4] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Giấy vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2009 để vay 600.000.000 đồng trong thời hạn 04 tháng tính từ ngày nhận tiền. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn khai đã đưa 200.000.000 đồng cho bị đơn theo Phiếu chi ngày 28 tháng 02 năm 2009 và chuyển khoản cho bị đơn 400.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 02 tháng 3 năm 2009. Xét nội dung Phiếu chi ngày 28 tháng 02 năm 2009 thì lý do là "Chi tiền mượn theo Giấy vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2009"; còn Ủy nhiệm chi ngày 02 tháng 3 năm 2009 có nội dung "Thanh toán tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng thi công công trình nhà hàng Karaoke – Hát với nhau – 669 Quang Trung, Gò Vấp, TpHCM" phù hợp với lời khai của bị đơn về việc hai bên có thỏa thuận khoản tiền bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thi công số 05/HĐKT/MIA/09 ngày 06 tháng 4 năm 2009. Do đó, có cơ sở xác định hai bên có ký kết Giấy vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2009 để vay số tiền 600.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ cho bị đơn vay 200.000.000 đồng

ngày 28 tháng 02 năm 2009, còn 400.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 02 tháng 3 năm 2009 là khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng thi công.

[5] Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 200.000.000 đồng còn nợ phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Giấy vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2009 và quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Đối với số tiền 400.000.000 đồng nguyên đơn chuyển cho bị đơn theo Ủy nhiệm chi ngày 02 tháng 3 năm 2009 là khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng thi công giữa hai bên. Nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn cũng như trong quá trình giải quyết, hai bên không có ý kiến hay tranh chấp liên quan Hợp đồng thi công số 05/HĐKT/MIA/09 ngày 06 tháng 4 năm 2009 nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giành quyền khởi kiện cho nguyên đơn đối với số tiền 400.000.000 đồng khi nguyên đơn có yêu cầu.

[7] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 02 tháng 3 năm 2009 đến nay. Xét thấy, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2106 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ M

Buộc bà Trần Thị P – Chủ DNTN Nhà hàng T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ M 200.000.000 đồng còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2009.

2. Không chấp nhận yêu cầu yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ M yêu cầu bà Trần Thị P – Chủ DNTN Nhà hàng T trả cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ M 400.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 02 tháng 3 năm 2009 đến nay của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ M.

4. Về án phí: Bà Trần Thị P – Chủ DNTN Nhà hàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng. Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000 đồng theo biên lai số AD/2010/05041 ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ M còn phải nộp 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Quỳnh Trâm